

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Bích Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Dân An

2. Ông Trần Văn Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đào Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: đường Nguyễn Du, khu phố An Quới, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 471, đường Thượng Thâu Thanh, khu phố Long Trung, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn ngày 07 tháng 6 năm 2022, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đào Minh T trình bày:**

Anh và chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng năm 2017, mâu thuẫn trầm trọng thì chị T bỏ nhà ra đi. Mỗi lần ra ngoài về thì không còn tiền. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan

điểm sống, chị T không chung thủy. Cách đây 02 năm anh có làm đơn xin ly hôn nhưng do chị T đang mang thai cháu thứ 3 nên anh rút đơn về. Anh và chị T đã ly thân từ đó cho đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Đào Thị Bảo T, sinh ngày: 03-9-2013; Đào Thị Trúc M, sinh ngày: 16-10-2016 và Đào Thị Nhã U, sinh ngày: 11-3-2021. Anh chị thống nhất:

+ Giao con chung Đào Thị Bảo T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Giao con chung Đào Thị Trúc M, Đào Thị Nhã U cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (mỗi con chung một tháng 1.500.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh chị được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng anh gồm chiếc xe SH và 01 con bò anh T đã bán trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Anh T đồng ý giao cho chị T 50.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu. Do anh T đào hoa, thường xuyên đi chơi và quen người phụ nữ khác nên vợ chồng có cãi vã. Anh T kiếm chuyện, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị phải chở 02 con chung về nhà cha mẹ ruột sống và sinh cháu thứ 3 một mình. Chị vẫn thường xuyên về Trảng Bàng nhưng anh T không cho chị vào nhà. Anh T xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đào Thị Bảo T, sinh ngày: 03-9-2013; Đào Thị Trúc M, sinh ngày: 16-10-2016 và Đào Thị Nhã U, sinh ngày: 11-3-2021. Anh chị thống nhất:

+ Giao con chung Đào Thị Bảo T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Giao con chung Đào Thị Trúc M, Đào Thị Nhã U cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh chị được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung gồm chiếc xe SH và 01 con bò anh T đã bán, tiền sửa nhà. Tất cả trị giá còn lại khoảng 100.000.000 đồng. Chị

đồng ý nhận 50.000.000 đồng. Chị đề nghị anh T giao tiền cho chị một lần tại Tòa án chị mới ký tên thuận tình ly hôn. Nếu anh T không giao tiền thì đề nghị Tòa án xét xử.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án giải quyết vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị T; Về con chung: Anh chị có 03 con chung Đào Thị Bảo T, sinh ngày: 03-9-2013; Đào Thị Trúc M, sinh ngày: 16-10-2016 và Đào Thị Nhã U, sinh ngày: 11-3-2021. Anh chị thống nhất: Giao con chung Đào Thị Bảo T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng; Giao con chung Đào Thị Trúc M, Đào Thị Nhã U cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh chị được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung: Ghi nhận anh chị thống nhất tài sản chung vợ chồng có 01 chiếc xe SH và 01 con Bò anh T đã bán, tiền sửa nhà trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Anh T giao cho chị T 50.000.000 đồng. Anh T, chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Anh T xác định thời gian đầu anh chị sống

hạnh phúc. Khoảng năm 2017, mâu thuẫn trầm trọng thì chị T bỏ nhà ra đi. Mỗi lần ra ngoài về thì không còn tiền. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T không chung thủy. Cách đây 02 năm anh có làm đơn xin ly hôn nhưng do chị T đang mang thai cháu thứ 3 nên anh rút đơn về. Anh và chị T đã ly thân từ đó cho đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Chị T xác định chị và anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu. Do anh T đào hoa, thường xuyên đi chơi và quen người phụ nữ khác nên vợ chồng có cãi vã. Anh T kiểm chuyện, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị phải chờ 02 con chung về nhà cha mẹ ruột sống và sinh cháu thứ 3 một mình. Chị vẫn thường xuyên về Trảng Bàng nhưng anh T không cho chị vào nhà. Anh T xin ly hôn chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh T với chị T.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đào Thị Bảo T, sinh ngày: 03-9-2013; Đào Thị Trúc M, sinh ngày: 16-10-2016 và Đào Thị Nhã U, sinh ngày: 11-3-2021. Ghi nhận anh chị thống nhất: Giao con chung Đào Thị Bảo T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng. Giao con chung Đào Thị Trúc M, Đào Thị Nhã U cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh chị được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tài sản chung vợ chồng gồm 01 chiếc xe SH, 01 con bò anh T đã bán, tiền sửa nhà trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Do tài sản chung không còn, anh chị thống nhất số tiền nên không yêu cầu Hội đồng định giá. Ghi nhận anh T tự nguyện giao cho chị T 50.000.000 đồng. Việc chị T yêu cầu anh T phải giao tiền ngay tại Tòa án mới chịu ký tên thuận tình ly hôn là không có căn cứ.

[6] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[8] Về án phí: Anh T, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đào Minh T với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Anh Đào Minh T được quyền ly hôn với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đào Thị Bảo T, sinh ngày: 03-9-2013; Đào Thị Trúc M, sinh ngày: 16-10-2016 và Đào Thị Nhã U, sinh ngày: 11-3-2021. Anh chị thống nhất:

- Giao con chung Đào Thị Bảo T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Tiên cấp dưỡng nuôi con chung.

- Giao 02 con chung Đào Thị Trúc M, Đào Thị Nhã U cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng/02 con chung (mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Anh chị được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Buộc anh Đào Minh T giao cho chị T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Anh Đào Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình; 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng, anh T phải chịu 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện anh T đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0020798 ngày 13-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh T còn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 2.312.500 (hai triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0020857 ngày 05-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải chịu 187.500 (một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

*của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

7. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. phường Long Thành Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Dương Thị Bích Hằng**









